

Bản án số: 90/2025/HS-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt và ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuận là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phan Thành D, sinh ngày 01/01/1975 nơi sinh: Xã L, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Số D, đường C, khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số E, khóm M, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; con ông Phan Thành D1 (chết) và bà Trần Thị Bé D2 (chết); có vợ Hồ Thị Kim T, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; có 05 anh em, bị cáo thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo D bị tạm giam từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến nay tại Phân trại tạm giam C2, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo D: Ông Phạm Anh V là Luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt.

2. Thiều Ngọc Thảo V1, sinh ngày 17/11/1995; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện tại: Số D, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Thiều Quang Đ, sinh năm 1972 và bà Tăng Thị Mỹ T1, sinh năm 1971; anh em 02 người, bị cáo thứ hai; chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam

từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại Phân trại tạm giam Chợ Mới. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 9 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V1: Ông Nguyễn Phú H là Luật sư thuộc Công ty L4, Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

3. Nguyễn Thế P, sinh ngày 08/8/2004; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số A, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Thế P1, sinh năm 1987 và bà Đinh Thị Ngọc B, sinh năm 1988; anh em 04 người, bị cáo thứ tư; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Chợ Mới từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến nay, có mặt.

4. Phạm Thành P2, sinh ngày 27/12/2003; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số E, khóm M, phường M, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: Đại học; con ông Phan Văn P3, sinh năm 1975 và bà Phạm Kiều O, sinh năm 1977; anh em có 03 người, bị cáo thứ ba; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 10 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

5. Võ Thị Trúc L, sinh ngày 20/4/2006; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số C, khóm N, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 05/12; con ông Võ Văn Đ1 (chết) và bà Hà Thị T2, sinh năm 1980; anh em 04 người, bị cáo thứ ba; chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 6 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

6. Phạm Văn P4, sinh ngày 02/12/1975; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số E, khóm M, phường M, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn X (chết) và bà Nguyễn Thị Đ2 (chết); có vợ Phạm Kiều O, sinh năm 1977 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 6 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

7. Phạm Thành P5, sinh ngày 27/12/2003; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số E, khóm M, phường M, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: Đại học; con ông Phan Văn P3, sinh năm 1975 và bà Phạm

Kiều O, sinh năm 1977; anh em 03 người, bị cáo thứ hai; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 10 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

8. Lê Tăng T3, sinh ngày 08/11/2005; nơi sinh: Phường L, tỉnh An Giang; nơi thường trú: Số D, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Dân quân tự vệ; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Tấn P6, sinh năm 1974 và bà Tăng Thị Mỹ T4, sinh năm 1997, bị cáo là con duy nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 10 năm 2025 cho đến nay, có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Trần Minh S (vắng mặt), cháu Huỳnh Tuấn A, bà Đinh Thị Ngọc B, bà Tăng Thị Mỹ T1 (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 03 tháng 02 năm 2025 (mùng 6 tết Nguyên đán), nhóm của Phan Thành D, gồm: D, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Phạm Thành P2, Phạm Thanh Q, Phan Thanh H1, Lê Văn L1 uống bia tại nhà P số E, đường D, khóm M, phường L, tỉnh An Giang thì Huỳnh Tuấn A (sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Nguyễn Thế P đến nhà Phạm Thành T5 (L2), số E, khóm M, phường L, cạnh nhà D để đòi nợ, nhưng không gặp T5. Khi P, Tuấn A chuẩn bị về, đi qua nhóm D đang uống bia, P, Tuấn A nghĩ bị nhóm D nhìn khinh mình, nên P, Tuấn A cự cãi với D. Ngay sau đó, D, P5, P2, P4 đi đến ngồi uống bia cùng với Hồ Thị Kim T, Phạm Thị Thúy K, Nguyễn Văn C tại bàn đá cặp kênh rạch Gòi Lớn đối diện nhà D; còn P, Tuấn A đứng trước nhà D, thì D tiếp tục cự cãi, chửi lớn tiếng và thách thức P, Tuấn A kêu người vào đánh nhau. Lập tức, P điện thoại cho Thiều Ngọc Thảo V1, bảo V1 vào giải quyết mâu thuẫn với D, còn Tuấn A bảo V1 lấy ba lô màu đen dài khoảng 120 cm bên trong có 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (84 x 05)cm, loại dao một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 32cm, phần cán dao dài 52cm, cán tròn có quấn băng keo đen và vải đỏ và 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (30,5 x 4)cm, loại dao một lưỡi sắc mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 22,5cm, cán dao dài 18cm, màu đen của Tuấn A để ở kho Ban Quản lý chợ M đem vào nhà D; V1 đồng ý, do V1 không có chìa khoá nên V1 điện thoại bảo Lê Tăng T3 mở kho của Ban Quản lý chợ M lấy ba lô của Tuấn A đưa cho V1, T3 mở kho lấy ba lô màu đen của Tuấn A đưa cho V1 (T3 không biết bên trong có hung khí), khi V1 cầm ba lô V1 biết bên trong có hung khí nên V1 để lên ba ga xe của V1, V1 điện thoại rủ thêm Võ

Thị Trúc L đi giải quyết mâu thuẫn, L đồng ý, nên V1 điều khiển xe mô tô biển số 67F1-60804 để ba lô có chứa hung khí trên бага xe, L điều khiển xe mô tô (không rõ biển số), T3 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi đến nhà D.

Khoảng 10 phút sau, L, V1, T3 đến dựng xe trên đường D trước nhà D. V1 đến nói chuyện với D, thì D chửi V1 lớn tiếng, V1 dùng tay phải đánh vào mặt D 01 cái, D dùng tay đánh vào mặt V1 01 cái. Ngay lập tức, P4, P5, P2 cùng nhau xông vào dùng tay, chân đánh V1 ngã xuống đường. Thấy V1 bị đánh, P, Tuấn A, L, T3 xông vào tiếp đánh nhau với D, P5, P2, P4; còn Q, L1, H1 hoảng sợ bỏ chạy, không tham gia đánh nhau. Khi này, P4 với L rượt đuổi đánh nhau bằng tay, chân trên đường D; còn Phong cầm nón bảo hiểm, P2 cầm nón bảo hiểm đánh với nhau; khi P, P2 bị rơi nón bảo hiểm, thì tiếp tục đánh nhau bằng tay, chân trên đường từ trước nhà D đến trước nhà C (khoảng 06 mét), P đánh P2 ngã xuống kênh Rạch Gò Lớn. Khi P2 vừa leo lên đường, thì Nguyễn Thành N điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến cầm dao cùng với P rượt đuổi đánh nhau với P2, P4 trên đường. Lúc này, Tuấn A chạy đến xe mô tô của V1 lấy 02 cây dao trong ba lô do V1 đem đến, cầm trên hai tay chém trúng lưng trái, ngón cái bàn tay phải D, D liền chạy vào nhà lấy 01 cây búa, kích thước (35 x 12)cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng gỗ dài 30cm cầm tay phải chạy ra đường D Lớn rượt đuổi đánh một cái trúng vai phải T3, trúng ngón trỏ bàn tay phải, vai trái V1 và cầm búa rượt đuổi P trên đường D, thì P nhặt đá trên đường ném D nhưng không trúng. Khi đánh nhau với N, D rút cây búa trên đường, được T, Phan Thành Tâm can N1, kéo D vào nhà. Riêng T3 đánh bằng tay, chân với P5, bị P5 đẩy ngã xuống kênh Rạch Gò Lớn, rồi P5 tiếp tục đập trúng bụng V1 làm V1 và P5 ngã xuống đường, P5 đứng lên đánh bằng tay, chân với N, bị N cầm 01 cây dao hình lưỡi liềm và một cây dao tự chế dài khoảng 50cm đuổi chém P5. Thấy P5 bị N cầm dao chém, Q chạy vào để can ngăn, bị N cầm dao rượt chém Q trúng tay trái, nên Q, P4, P5, P2 chạy vào nhà P4 đóng cửa rào lại, thì N, Tuấn A tiếp tục lấy vỏ chai bia thủy tinh của anh Trần Minh S để cặp kênh Rạch Gò Lớn, ném 03 đến 04 chai vào nhà P4. Sau đó V1, N, L, P, Tuấn A, T3 điều khiển xe mô tô về. Riêng D, P4, P5, P2, Q bị thương tích, được đưa đến Bệnh viện Đ3 điều trị.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 và ngày 17 tháng 4 năm 2025, D và V1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng của Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P, Nguyễn Thành N, Võ Thị Trúc L, Lê Tăng T3, Huỳnh Tuấn A, Phan Thành D, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Phạm Thành P2 được camera giám sát nhà ông Trần Văn C1 ghi lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ những hình ảnh này.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, Ủy ban nhân dân phường M (nay là Ủy ban nhân dân phường L) có Văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý các đối tượng có hành vi đánh nhau gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

* Kết luận giám định số 1469/KL-KTHS ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (84 x 05)cm, loại dao một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 32cm, phần cán dao dài 52cm, cán tròn có quấn băng keo đen và vải đỏ (kí hiệu M); 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (30,5 x 4)cm, loại dao một lưỡi sắc mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 22,5cm, cán dao dài 18cm, màu đen (ký hiệu M1); 01 cây búa rìu, kích thước (35 x 12)cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng gỗ dài 30cm (kí hiệu M2). Các mẫu vật kí hiệu M và M1 là vũ khí thuộc danh mục dao có tính sát thương cao, không phải vũ khí thô sơ. Mẫu vật ký hiệu M2 là công cụ phục vụ cuộc sống hằng ngày, không phải vũ khí.

* Kết luận số 341/KL-KTHS ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh A: Trích xuất 46 ảnh từ dữ liệu 05 tập tin video lưu trữ trong đĩa CD (kí hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố L, tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Kèm theo kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 25 trang A4.

* Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 197/25/KLTTCT-TTPY ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Phan Thành D, sinh năm 1975: Các kết quả chính: Sẹo hông lưng trái, kích thước (1.7x0.2)cm, sẹo lồi, sậm màu, bờ sắc. Tỷ lệ 01%. Sẹo mặt lưng bàn tay phải ngón I, kích thước (03x0.2)cm, sẹo lồi, sậm màu, bờ sắc. Tỷ lệ 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Phan Thành D tại thời điểm giám định là 02%. Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do vật sắc gây nên.

* Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 211/25/KLTTCT-TTPY ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Thiều Ngọc Thảo V1, sinh năm 1995: Các kết quả chính: Sẹo mặt lưng đốt 1 ngón II bàn tay phải, nằm xiên, kích thước (2.2x0.1)cm, sẹo lõm, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ 01%. Do vật sắc gây nên. Bầm vùng vai trái, hiện tại không để lại thương tích. Tỷ lệ 00%. Do vật tày gây nên. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Thiều Ngọc Thảo V1 tại thời điểm giám định là: 01%.

Ngày 22 tháng 02 năm 2025, V1, N bồi thường cho P4, P5, P2, Q 35.000.000 đồng; ngày 07 tháng 7 năm 2025, V1, T3, P, L bồi thường cho D 50.000.000 đồng. Ngày 03 tháng 8 năm 2025 và ngày 18 tháng 9 năm 2025 Thiều Ngọc Thảo V1,

Phan Thành D có đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Phạm Thành P2, Phạm Thanh Q bị thương tích, không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, từ chối giám định thương tích, đã nhận 35.000.000 đồng tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm. Phan Thành D đã nhận 50.000.000 đồng tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm.

Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P dùng dao gây thương tích cho Phan Thành D với tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%; D dùng búa gây thương tích cho V1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 01%. D, V1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với V1, P, D về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 03 tháng 8 năm 2025 và 18 tháng 9 năm 2025, V1, D có đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nên ngày 19 tháng 9 năm 2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can, về tội “Cố ý gây thương tích”.

* *Vật chứng thu giữ*: 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (84 x 05)cm, loại dao một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 32cm, phần cán dao dài 52cm, cán tròn có quấn băng keo đen và vải đỏ; 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (30,5 x 4)cm, loại dao một lưỡi sắc mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 22,5cm, cán dao dài 18cm, màu đen; 01 cây búa kích thước (35 x 12)cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng gỗ dài 30cm; 01 gậy ba khúc bằng kim loại dài 65cm, cán quấn băng miếng xốp màu đen.

Tại Cáo trạng số: 41/CT-VKSKV9 ngày 01 tháng 12 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 đã truy tố Phan Thanh D3, Nguyễn Thế P, Phạm Thành P2 về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5 và Lê Tăng T3 về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phan Thành D, Nguyễn Thế P, Thiều Ngọc Thảo V1, Phạm Thành P2, Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Lê Tăng T3 khai như cáo trạng đã nêu.

Người làm chứng ông Trần Minh S vắng mặt tại phiên tòa, cháu Huỳnh Tuấn A, bà Đinh Thị Ngọc B, bà Tăng Thị Mỹ T1 có mặt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã trình bày như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thành D từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thiều Ngọc Thảo V1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thành P2 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị Trúc L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn P4 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1, 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thành P5 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1, 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tăng T3 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (84 x 05)cm, loại dao một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 32cm, phần cán dao dài 52cm, cán tròn có quấn băng keo đen và vải đỏ; 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (30,5 x 4)cm, loại dao một lưỡi sắc mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 22,5cm, cán dao dài 18cm, màu đen; 01 cây búa kích thước (35 x 12)cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng gỗ dài 30cm; 01 gậy ba khúc bằng kim loại dài 65cm, cán quấn bằng miếng xốp màu đen.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thành D phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo D. Bị cáo D có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Thiều Ngọc Thảo V1 phát biểu quan điểm:

Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo V1. Bị cáo V1 chỉ dùng tay đánh nhau với bị cáo D, không sử dụng hung khí đánh nhau nên V1 chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Bị cáo V1 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V1 mức hình phạt như các bị cáo bị truy tố theo khoản 1 và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo D, V1, P, P2, L, P4, P5, T3 không bào chữa và tranh luận gì khác, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người làm chứng ông S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phan Thành D, Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P, Phạm Thành P2, Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Lê Tăng T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 02 năm 2025, Nguyễn Thế P, Nguyễn Thành N, Huỳnh Tuấn A (sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009), dùng dao có tính sát thương cao, dao tự chế, nón bảo hiểm, đá, vỏ chai bia ném, dùng tay, chân,

rú ga xe mô tô, la hét lớn tiếng đánh nhau với Phan Thành D, Phạm Thành P2 trên đường D, phường L trong dịp Tết Nguyên đán, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Trong đó Tuấn A trực tiếp dùng dao có tính sát thương cao chém gây thương tích cho D tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%, D dùng búa chém gây thương tích cho V1 tỷ lệ tổn thương cơ thể 01%. Thiều Ngọc Thảo V1, Võ Thị Trúc L, Lê Tăng T3 dùng tay, chân, la hét lớn tiếng đánh nhau với Phạm Văn P4, Phạm Thành P5 trên đường D, phường L, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo Phan Thành D, Nguyễn Thế P và Phạm Thành P2 sử dụng hung khí đánh nhau, Thiều Ngọc T6 V1 dùng tay đánh nhau nhưng là người mang hung khí là 02 cây dao tự chế cho Tuấn A sử dụng; còn Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Võ Thị Trúc L, Lê Tăng T3 dùng tay, chân, rượt đuổi đánh nhau gây rối trật tự công cộng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận với Luật sư bào chữa cho bị cáo V1 vẫn giữ nguyên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang truy tố các bị cáo Phan Thành D, Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P và Phạm Thành P2 theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Lê Tăng T3 theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do vậy, cần xử lý nghiêm với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do các bị cáo thực hiện, đều nhận thức được chỉ vì mâu thuẫn cá nhân mà cự cãi, rượt đuổi, đánh nhau trên đường gây mất an ninh trật tự tại địa phương trong những ngày đầu của tết nguyên đán năm 2025 là vi phạm pháp luật. Các bị cáo là người hai nhóm đánh nhau, trong đó nhóm của V1 gồm V1, P, Tuấn A, L, T3, N và nhóm của D gồm D, P2, P4, P5 mặc dù các bị cáo không có bàn bạc nhưng các bị cáo tiếp nhận ý chí cùng nhau gây thương tích cho nhóm kia nên các bị cáo là đồng phạm mang tính chất giản đơn, đều là người thực hành. Do đó, các bị cáo cần phải chịu mức hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo L, P4, P2, T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau sự việc đánh nhau gây thương tích V1, P, T3, L đã bồi thường cho D, P4, Q, P5, P2 tổng số tiền là 85.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo D, P4 xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, D học văn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo P2 và P5 là anh em sinh đôi, đều là sinh viên đại học năm cuối, luôn chấp hành tốt nội quy nhà trường, hành vi mang tính chất bộc phát nhất thời nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Các bị cáo D, V1, P, P2, L, P4, P5, T3 được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo có điều kiện sửa đổi để trở thành công dân tốt cho xã hội. Về mức hình phạt, D là người lớn tuổi nhất nhưng lại đưa ra lời lẽ thách thức, là một trong những nguyên nhân dẫn đến 02 nhóm đánh nhau nên phải chịu hình phạt cao nhất; P là người rủ rê V1 nên phải chịu mức hình phạt cao hơn V1 và P2; các bị cáo còn lại chỉ do bênh vực người trong nhóm, vai trò ngang nhau nên chịu cùng mức hình phạt.

[5] Huỳnh Tuấn A sinh ngày 30 tháng 10 năm 2009, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, về tội “Cố ý gây thương tích”, “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 304, khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản kiến nghị chính quyền địa phương xử lý hành chính theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Thieu Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P không trực tiếp sử dụng dao có tính sát thương cao gây thương tích cho Phan Thành D, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V1, P, về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ.

Phạm Thanh Q chỉ can ngăn và bị gây thương tích nhẹ, không tham gia “gây rối trật tự công cộng”, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 ống tròn bằng kim loại màu đen dài khoảng 22 cm; 01 áo thun ngắn tay, màu trắng xanh đen; 01 áo sơ mi ngắn tay, sọc ca rô, màu vàng xám đen; 01 ống tròn bằng kim loại trắng dài khoảng 120 cm; 01 áo thun tay ngắn màu đen, bị rách vị trí vai phải; 01 sợi dây nịch da màu nâu, đầu dây nịch bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 137cm có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Thành D, Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P, Phạm Thành P2, Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Lê Tăng T3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1. 1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Thành D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Trả tự do cho bị cáo D ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phan Thành D cho Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phan Thành D thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1. 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thiều Ngọc Thảo V1 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Thiều Ngọc Thảo V1 cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Thiều Ngọc Thảo V1 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế P 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thế P ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Thế P cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thế P thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1. 4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thành P2 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Phạm Thành P2 cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thành P2 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1. 5. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Thị Trúc L 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Võ Thị Trúc L cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Thị Trúc L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1. 6. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P4 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn P4 cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Văn P4 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thành P5 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Phạm Thành P5 cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thành P5 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Tăng T3 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2025).

Giao bị cáo Lê Tăng T3 cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Tăng T3 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (84 x 05)cm, loại dao một lưỡi sắc, mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 32cm, phần cán dao dài 52cm, cán tròn có quấn băng keo đen và vải đỏ; 01 cây dao bằng kim loại, kích thước (30,5 x 4)cm, loại dao một lưỡi sắc mũi nhọn, lưỡi bầu, lưỡi dao dài 22,5cm, cán dao dài 18cm, màu đen; 01 cây búa rìu, kích thước (35 x 12)cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng gỗ dài 30cm; 01 gậy ba khúc bằng kim loại dài 65cm, cán quấn bằng miếng xốp màu đen. (đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – An Giang).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phan Thành D, Thiều Ngọc Thảo V1, Nguyễn Thế P và Phạm Thành P2, Võ Thị Trúc L, Phạm Văn P4, Phạm Thành P5, Lê Tăng T3 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9;
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam Chợ Mới;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn